

Số: 454 /BC-CTSN-TCKT

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I năm 2025

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp & Môi trường Hà Nội;
- Sở Tài chính Hà Nội.

Căn cứ Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1534/QĐ-SNN ngày 25/12/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội về việc phê duyệt phương thức đặt hàng cung cấp dịch vụ thủy lợi năm 2025 trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc số 287/HĐNT-BQLDT ngày 31/12/2024 giữa Ban quản lý và duy tu các công trình nông nghiệp, nông thôn Hà Nội và Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ về việc đặt hàng cung cấp dịch vụ thủy lợi sản xuất nông nghiệp và dân sinh xã hội năm 2025;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý I năm 2025 của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ.

Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ kính báo cáo tình hình tài chính quý I năm 2025 với nội dung như sau:

1. Thuận lợi:

Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp & Môi trường, UBND thành phố Hà Nội và trực tiếp là Liên Sở Tài chính – Nông nghiệp & Môi trường. Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao, điều hành hệ thống phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp, dân sinh, xã hội, đảm bảo cho các địa phương gieo trồng đúng kế hoạch.

Tập thể lãnh đạo Công ty đoàn kết, CBCNV yên tâm công tác gắn bó với cơ quan, quyết tâm phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.



2. Khó khăn:

Năm 2025, thực hiện Quyết định số 1534/QĐ-SNN ngày 25/12/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội về việc phê duyệt phương thức đặt hàng cung cấp dịch vụ thủy lợi năm 2025 trên địa bàn thành phố Hà Nội; ngày 31/12/2024, Ban quản lý và duy tu các công trình nông nghiệp, nông thôn Hà Nội và Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ đã ký Hợp đồng nguyên tắc số 287/HĐNT-BQLDT về việc đặt hàng cung cấp dịch vụ thủy lợi sản xuất nông nghiệp và dân sinh xã hội năm 2025. Theo đó, hai bên mới ký kết khối lượng thực hiện công tác quản lý, duy trì, vận hành hệ thống công trình thủy lợi; khối lượng diện tích tưới, tiêu; khối lượng công tác bảo trì năm 2025 và chưa ký kết phần giá trị hợp đồng do đơn giá dịch vụ thủy lợi chưa được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt. Sau khi đơn giá dịch vụ thủy lợi được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt và có quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt đặt hàng thì 2 bên ký hợp đồng chính thức.

Bên cạnh đó, tình hình vi phạm và tái lần chiếm vi phạm công trình theo Luật Thủy lợi ngày càng gia tăng cả về số lượng và mức độ vi phạm; thời tiết, khí hậu thủy văn diễn biến theo hướng cực đoan, mưa lũ cục bộ trong mùa mưa, hạn hán, thiếu hụt nguồn nước trong mùa khô đã gây bất lợi đối với công tác tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh của Công ty.

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ quý I năm 2025:

3.1. Về tình hình tài chính của doanh nghiệp:

Như đã trình bày ở trên về những khó khăn trong công tác đặt hàng thực hiện nhiệm vụ dịch vụ công ích thủy lợi nên từ đầu năm đến nay Công ty chưa được cấp nguồn kinh phí năm 2025. Tuy nhiên, để ổn định đời sống của người lao động, Công ty vẫn cố gắng bố trí nguồn vốn (từ nguồn vốn nợ các nhà cung cấp dịch vụ và lợi nhuận hoạt động năm 2024) để trả lương cho CBCNV (trong 3 tháng đầu năm Công ty thực hiện tạm ứng từ 50%-80% tiền lương mức tiền lương tháng), thanh toán đúng hạn kinh phí phải nộp các loại Bảo hiểm và trang trải chi phí tối thiểu để đảm bảo duy trì hoạt động của Công ty; phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp và dân sinh, xã hội trên địa bàn Công ty quản lý.

Công ty thực hiện tốt việc quản lý doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, chấp hành chế độ báo cáo tài chính đầy đủ, kịp thời và chính xác.

3.2. Công tác bảo toàn vốn và tài sản:

Thực hiện tốt việc quản lý sử dụng tiền vốn, tài sản, vật tư để phục vụ sản xuất, bảo toàn vốn và tài sản được giao.

3.3. Một số chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đến 31/3/2025 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo
I. Tổng tài sản	2.099.043	-134.664	1.964.379	1.964.379
II. Vốn chủ sở hữu (MS410)	1.870.530	-43.650	1.826.881	1.826.881
Trong đó: Vốn góp của nhà nước	1.831.090	0	1.831.090	1.831.090
IV. Kết quả kinh doanh		0		
1. Tổng doanh thu (MS 10+21+31)	0	0,00	0,00	0,00
2. Lợi nhuận kế toán trước thuế (MS 50)	0	-43.650	-43.650	-43.650
V. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp	-0,74		-25,83	-25,83
Số phải nộp trong kỳ		57,31		
Số đã nộp trong kỳ (bao gồm cả tiền thuế TNCN được khấu trừ vào thuế TNCN năm 2024 nộp thừa)		82,41		
Trong đó:				
1. Thuế GTGT	13,18		0,00	0,00
1.1.Số phải nộp trong kỳ		0,00		
1.2. Số đã nộp trong kỳ		13,18		
2. Thuế tiêu thụ đặc biệt				
3. Thuế TNDN	10,37		0,00	0,00
3.1.Số phải nộp trong kỳ		0,00		

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo
3.2. Số đã nộp trong kỳ		10,37		
4. Cổ tức, lợi nhuận được chia đối với phần vốn góp của nhà nước (nếu có)				
5. Các khoản thuế, phí phải nộp khác	-24,28		-25,83	-25,83
5.1.Số phải nộp trong kỳ		57,31		
5.2. Số đã nộp trong kỳ		58,86		
- Số đã nộp trong kỳ		35,48		
- Số tiền thuế TNCN được khấu trừ vào thuế TNCN năm 2024 nộp thừa		23,38		

(Kèm theo báo cáo gồm: Bảng cân đối phát sinh các tài khoản, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý I/2025).

4. Đề nghị:

Để tạo điều kiện cho Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ tháo gỡ khó khăn về tài chính và hoàn thành kế hoạch sản xuất, kế hoạch tài chính đúng theo chỉ tiêu kế hoạch sản xuất do Sở Tài chính Hà Nội giao. Công ty kính đề nghị Liên Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ sớm trình UBND thành phố Hà Nội phê duyệt và sớm ban hành đơn giá quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ kính báo cáo Sở Nông nghiệp & Môi trường, Sở Tài chính Hà Nội Báo cáo tài chính quý I với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lãnh đạo Công ty;
- Lưu VT; TCKT.

Đài

CHỦ TỊCH

[Signature]

Vũ Mạnh Hùng

[Red circular stamp: M.S.D.N : 0500237857 - CT.TN.H.H. CÔNG TY T.N.H.H. MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI]

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

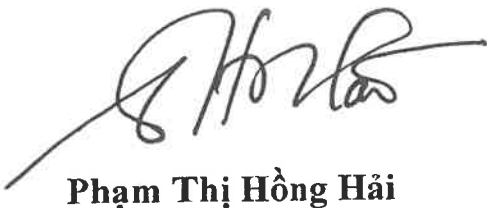
Quý 1 Năm 2025

Kỳ báo cáo: 01/01/2025 - 31/03/2025; Kỳ trước: 01/01/2024 - 31/03/2024

Đơn vị tính: Đồng.

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	01			
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV (10=01-02)	10			
4. Giá vốn hàng bán	11		38 847 027 147	34 824 636 124
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CCDV (20=10-11)	20		- 38 847 027 147	- 34 824 636 124
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		46 452 762	31 234 995
7. Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4 849 079 433	4 424 982 564
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD {(30=20+(21-22)-(25-26)}	30		- 43 649 653 818	- 39 218 383 693
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32		95 410	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		- 95 410	
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		- 43 649 749 228	- 39 218 383 693
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		- 43 649 749 228	- 39 218 383 693
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Phạm Thị Hồng Hải

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



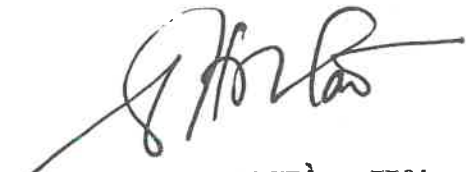
Vũ Mạnh Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Quý 1 Năm 2025

Kỳ báo cáo: 01/01/2025 - 31/03/2025; Kỳ trước: 01/01/2024 - 31/03/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		206 730 055 448	162 049 146 688
2. Tiền chi trả cho người c.cấp hàng hoá và dịch vụ	02		- 79 347 415 473	- 46 611 968 816
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		- 37 043 783 300	- 38 347 473 999
4. Tiền chi trả lãi vay, kiểm toán	04		- 301 298 000	- 185 383 000
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		- 10 365 165	- 19 106 131
6. Tiền thu ngân hàng trả lại do nhầm TK, thu tạm ứng, khách hàng trả lại	06		579 801 540	658 497 422
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (thuế, các khoản bảo hiểm, tạm ứng..)	07		- 18 888 289 310	- 20 363 693 675
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		71 718 705 740	57 180 018 489
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng	27		46 452 762	31 234 995
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		46 452 762	31 234 995
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		71 765 158 502	57 211 253 484
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5 025 552 366	5 128 214 650
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		76 790 710 868	62 339 468 134

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Phạm Thị Hồng Hải

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Vũ Mạnh Hùng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Lập tại ngày 31/03/2025

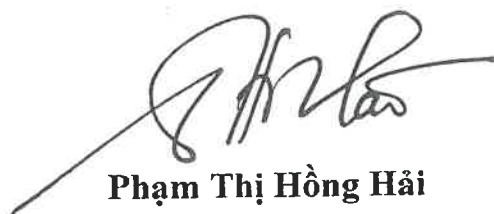
Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	TK	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - Tài sản ngắn hạn	100		113 999 058 876	248 454 615 718
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		76 790 710 868	5 025 552 366
1. Tiền	111		76 790 710 868	5 025 552 366
- Tiền mặt	111A	111	1 010 126 400	760 042 545
- Tiền gửi ngân hàng	111B	112	75 780 584 468	4 265 509 821
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36 524 900 894	242 909 351 950
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	131	34 716 453 384	241 446 508 832
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	331	157 567 042	156 359 052
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		158 139 929	
- Phải thu nội bộ khác	133C	1368	158 139 929	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		1 656 925 739	1 470 669 266
- Phải thu khác	136B	1388	1 487 536 239	1 470 669 266
- Tạm ứng	136E	141	169 389 500	
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	2293	- 164 185 200	- 164 185 200
IV. Hàng tồn kho	140		657 617 944	495 429 736
1. Hàng tồn kho	141		657 617 944	495 429 736
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	141B	152	138 734 018	66 880 480
- Công cụ, dụng cụ trong kho	141C	153	518 883 926	428 549 256
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25 829 170	24 281 666
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153		25 829 170	24 281 666
- Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153A	3337	1	1
- Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153B	3338	24 281 665	24 281 665
- Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153C	3335	1 547 504	
B - Tài sản dài hạn	200		1 850 379 880 776	1 850 588 602 876
II. Tài sản cố định	220		1 850 379 880 776	1 850 588 602 876
1. TSCĐ hữu hình	221		1 850 379 880 776	1 850 588 602 876
- Nguyên giá	222	211	1 960 021 287 284	1 960 021 287 284
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	2141	- 109 641 406 508	- 109 432 684 408
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		1 964 378 939 652	2 099 043 218 594

Đơn vị tính: đồng

C. Nợ phải trả	300		137 498 202 136	228 512 731 850
I. Nợ ngắn hạn	310		137 433 582 136	228 448 111 850
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	331	24 663 800 234	91 213 796 742
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313			23 544 845
- Thuế GTGT phải nộp	313A	3331		13 179 680
- Thuế TNDN	313B	3334		10 365 165
4. Phải trả người lao động	314	334	31 431 603 474	47 442 495 774
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	335	89 741 000	391 039 000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		65 418 808 425	67 751 647 566
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	353	15 829 629 003	21 625 587 923
Nợ dài hạn	330		64 620 000	64 620 000
13. Quỹ Khoa học và công nghệ	343	356	64 620 000	64 620 000
D - Vốn chủ sở hữu	400		1 826 880 737 516	1 870 530 486 744
I. Vốn chủ sở hữu	410		1 826 880 737 516	1 870 530 486 744
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	411	1 831 090 208 298	1 831 090 208 298
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	414	1 431 182 170	1 431 182 170
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		- 43 649 749 228	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B	4212	- 43 649 749 228	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	441	38 009 096 276	38 009 096 276
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		1 964 378 939 652	2 099 043 218 594

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Phạm Thị Hồng Hải

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Vũ Mạnh Hùng